

CHINT | **Next**
CHINT ELECTRIC | series

The Next Reliable Choice

BẢNG GIÁ 06/2021



ACB | MCB | MCCB | Contactor | Switch | Relay

NXB-63 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)

* Dòng điện định mức: 6A - 63A;

* Tần số: 50/60Hz;

* Đặc tính đường cong: B, C, D;

* Bảo vệ quá tải, ngắn mạch;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60898-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	1A	6kA	NXB-63 1P C1	47,300
	1P	2A	6kA	NXB-63 1P C2	47,300
	1P	6A	6kA	NXB-63 1P C6	47,300
	1P	10A	6kA	NXB-63 1P C10	42,900
	1P	16A	6kA	NXB-63 1P C16	42,900
	1P	20A	6kA	NXB-63 1P C20	44,000
	1P	25A	6kA	NXB-63 1P C25	44,000
	1P	32A	6kA	NXB-63 1P C32	47,300
	1P	40A	6kA	NXB-63 1P C40	47,300
	1P	50A	6kA	NXB-63 1P C50	49,500
	1P	63A	6kA	NXB-63 1P C63	50,600
	2P	1A	6kA	NXB-63 2P C1	92,400
	2P	6A	6kA	NXB-63 2P C6	92,400
	2P	10A	6kA	NXB-63 2P C10	82,500
	2P	16A	6kA	NXB-63 2P C16	82,500
	2P	20A	6kA	NXB-63 2P C20	83,600
	2P	25A	6kA	NXB-63 2P C25	83,600
	2P	32A	6kA	NXB-63 2P C32	89,100
	2P	40A	6kA	NXB-63 2P C40	89,100
	2P	50A	6kA	NXB-63 2P C50	94,600
	3P	6A	6kA	NXB-63 3P C6	129,800
	3P	10A	6kA	NXB-63 3P C10	119,900
	3P	16A	6kA	NXB-63 3P C16	119,900
	3P	20A	6kA	NXB-63 3P C20	124,300
	3P	25A	6kA	NXB-63 3P C25	124,300
	3P	32A	6kA	NXB-63 3P C32	133,100
	3P	40A	6kA	NXB-63 3P C40	133,100
	3P	50A	6kA	NXB-63 3P C50	138,600
	3P	63A	6kA	NXB-63 3P C63	155,100
	4P	6A	6kA	NXB-63 4P C6	170,500
	4P	10A	6kA	NXB-63 4P C10	157,300
	4P	16A	6kA	NXB-63 4P C16	157,300
	4P	20A	6kA	NXB-63 4P C20	162,800
	4P	25A	6kA	NXB-63 4P C25	162,800
	4P	32A	6kA	NXB-63 4P C32	176,000
	4P	40A	6kA	NXB-63 4P C40	176,000
	4P	50A	6kA	NXB-63 4P C50	182,600
	4P	63A	6kA	NXB-63 4P C63	204,600

NXB-125 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)

* Dòng điện định mức: 63A - 125A;

* Tần số: 50/60Hz;

* Đặc tính đường cong: B, C, D;

* Bảo vệ quá tải, ngắn mạch;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	63A	10kA	NXB-125 1P C63	93,500
	1P	80A	10kA	NXB-125 1P C80	93,500
	1P	100A	10kA	NXB-125 1P C100	93,500
	1P	125A	10kA	NXB-125 1P C125	108,900

	2P	63A	10kA	NXB-125 2P C63	184,800
	2P	80A	10kA	NXB-125 2P C80	184,800
	2P	100A	10kA	NXB-125 2P C100	184,800
	2P	125A	10kA	NXB-125 2P C125	220,000

	3P	63A	10kA	NXB-125 3P C63	276,100
	3P	80A	10kA	NXB-125 3P C80	276,100
	3P	100A	10kA	NXB-125 3P C100	276,100
	3P	125A	10kA	NXB-125 3P C125	325,600

	4P	63A	10kA	NXB-125 4P C63	368,500
	4P	80A	10kA	NXB-125 4P C80	368,500
	4P	100A	10kA	NXB-125 4P C100	368,500
	4P	125A	10kA	NXB-125 4P C125	432,300

NXBLE-32/63 Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 6-63A

- * Dòng định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C6 30mA 6kA	206,800
	1P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C10 30mA 6kA	206,800
	1P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C16 30mA 6kA	206,800
	1P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C20 30mA 6kA	206,800
	1P+N	25A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C25 30mA 6kA	206,800
	1P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C32 30mA 6kA	206,800
	1P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C40 30mA 6kA	257,400
	1P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C50 30mA 6kA	302,500
	1P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C63 30mA 6kA	302,500

	3P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C6 30mA 6kA	427,900
	3P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C10 30mA 6kA	427,900
	3P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C16 30mA 6kA	427,900
	3P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C20 30mA 6kA	427,900
	3P+N	25A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C25 30mA 6kA	427,900
	3P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C32 30mA 6kA	427,900
	3P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C40 30mA 6kA	525,800
	3P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C50 30mA 6kA	525,800
	3P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C63 30mA 6kA	525,800

Phụ kiện dùng cho NXB-63		
Chức năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm phụ	AX-X1	115,500
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X1	115,500
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X1 AC24V/48V,DC24V/48V	155,100
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X1 AC230V/400V	155,100
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X1	297,000
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X1	297,000
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X1	297,000

Phụ kiện dùng cho NXB-125		
Chức năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm phụ	AX-X3	176,000
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X3	176,000
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X3 AC24V/48V,DC24V/48V	184,800
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X3 AC230V/400V	184,800
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X3	297,000
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X3	297,000
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X3	297,000



NCH8 Khởi động từ dạng mô đun dùng trong chiếu sáng

- * Dòng điện định mức: 20A, 25A, 40A, 63A;
- * Điện áp hoạt động: 230V, 400V;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Áp dụng cho tải: AC-1, AC-7a, AC-7b;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61095;
- * Chứng nhận: CE

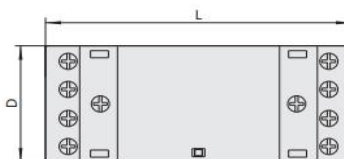
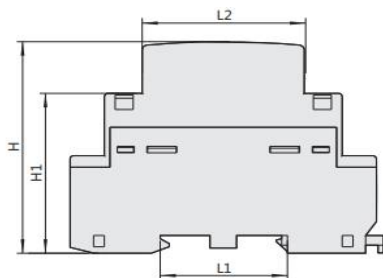


Số cực	Điện áp	In	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2NO	230V	20A	NCH8-20/20 220/230V	192,500
2NO	24V	20A	NCH8-20/20 24V	192,500
2NO+2NC	230V	20A	NCH8-20/22 220/230V	397,100
2NO+2NC	24V	20A	NCH8-20/22 24V	397,100

2NO	230V	25A	NCH8-25/20 220/230V	262,900
2NO	24V	25A	NCH8-25/20 24V	262,900
2NO+2NC	230V	25A	NCH8-25/22 220/230V	284,900
2NO+2NC	24V	25A	NCH8-25/22 24V	284,900

2NO	230V	40A	NCH8-40/20 220/230V	397,100
2NO	24V	40A	NCH8-40/20 24V	397,100
2NO+2NC	230V	40A	NCH8-40/22 220/230V	509,300
2NO+2NC	24V	40A	NCH8-40/22 24V	509,300

2NO	230V	63A	NCH8-63/20 220/230V	471,900
2NO	24V	63A	NCH8-63/20 24V	471,900
2NO+2NC	230V	63A	NCH8-63/22 220/230V	600,600
2NO+2NC	24V	63A	NCH8-63/22 24V	600,600



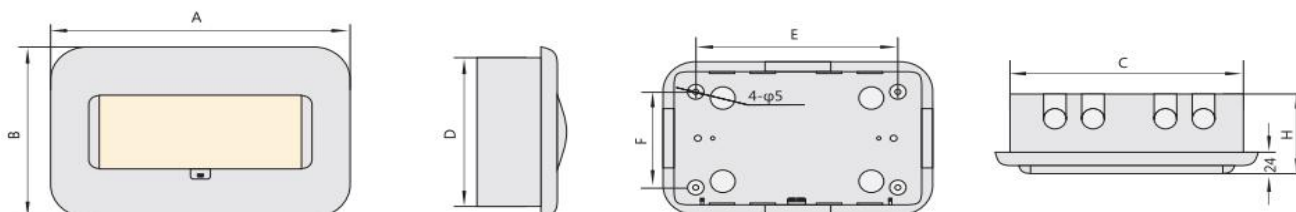
Model	D		L	L1	L2	H	H1
	2P	4P					
NCH8-20~25	18	36	85	35.5	45	65.5	50
NCH8-40~36	36	54	85	35.5	45	65.5	50

NX8 Series Tủ điện căn hộ mặt nhựa có đèn báo

- * Kiểu lắp đặt: Lắp âm;
- * Kiểu đế: Nhựa/Kim loại(J);
- * Dòng điện tối đa: 100A;
- * Số đường: 5/8/12/15/20/24;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61439-3(EN60670-24);



	Số mô đun	Kiểu đế	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	SL/thùng
Một đường	5	Nhựa	NX8-5	367,400	8
	5	Kim loại	NX8-5-J	453,200	8
	8	Nhựa	NX8-8	444,400	4
	8	Kim loại	NX8-8-J	509,300	4
	12	Nhựa	NX8-12	544,500	4
	12	Kim loại	NX8-12-J	653,400	4
	15	Nhựa	NX8-15	594,000	3
	15	Kim loại	NX8-15-J	706,200	3
Hai đường	20	Nhựa	NX8-20	756,800	3
	20	Kim loại	NX8-20-J	873,400	3
	24	Nhựa	NX8-24	815,100	2
	24	Kim loại	NX8-24-J	969,100	3



Kích thước lắp đặt

Đặc điểm	A	B	C	D	H
NX8-5 một đường	184	200	164	180	105
NX8-5-J một đường	184	200	166	180	105
NX8-8 một đường	238	200	218	180	105
NX8-8-J một đường	238	200	220	180	105
NX8-12 một đường	310	200	290	180	105
NX8-12-J một đường	310	200	290	180	105
NX8-15 một đường	364	200	344	180	105
NX8-15-J một đường	364	200	346	180	105
NX8-20 hai đường	274	350	254	330	105
NX8-20-J hai đường	274	350	256	330	105
NX8-24 hai đường	310	350	290	330	105
NX8-24-J hai đường	310	350	292	330	105

NXM Cầu dao tự động dạng khối (MCCB)

- * Dòng định mức: 10A - 1600A;
- * Điện áp hoạt động: 220V/2330V/240V, 380V/400V/415V;
- * Số cực: 2P, 3P, 4P;
- * Loại bảo vệ: Bảo vệ từ nhiệt, bảo vệ từ;
- * Mã công suất ngắn mạch: E, S, F(Icu=100%Ucs), H;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;
- * Chứng nhận: CCC, CE, KEMA

Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	25A	25kA	NXM-125S/2300 25A	502,700
	2P	32A	25kA	NXM-125S/2300 32A	502,700
	2P	40A	25kA	NXM-125S/2300 40A	502,700
	2P	50A	25kA	NXM-125S/2300 50A	502,700
	2P	63A	25kA	NXM-125S/2300 63A	502,700
	2P	80A	25kA	NXM-125S/2300 80A	502,700
	2P	100A	25kA	NXM-125S/2300 100A	502,700
	2P	125A	25kA	NXM-125S/2300 125A	502,700
	2P	160A	36kA	NXM-250S/2300 160A	755,700
	2P	180A	36kA	NXM-250S/2300 180A	755,700
	2P	200A	36kA	NXM-250S/2300 200A	755,700
	2P	225A	36kA	NXM-250S/2300 225A	755,700
	2P	250A	36kA	NXM-250S/2300 250A	755,700
	3P	25A	25kA	NXM-125S/3300 25A	789,800
	3P	32A	25kA	NXM-125S/3300 32A	789,800
	3P	40A	25kA	NXM-125S/3300 40A	789,800
	3P	50A	25kA	NXM-125S/3300 50A	789,800
	3P	63A	25kA	NXM-125S/3300 63A	789,800
	3P	80A	25kA	NXM-125S/3300 80A	789,800
	3P	100A	25kA	NXM-125S/3300 100A	789,800
	3P	125A	25kA	NXM-125S/3300 125A	789,800
	3P	160A	36kA	NXM-250S/3300 160A	1,146,200
	3P	180A	36kA	NXM-250S/3300 180A	1,146,200
	3P	200A	36kA	NXM-250S/3300 200A	1,146,200
	3P	225A	36kA	NXM-250S/3300 225A	1,146,200
	3P	250A	36kA	NXM-250S/3300 250A	1,146,200
	3P	315A	50kA	NXM-400S/3300 315A	3,786,200
	3P	320A	50kA	NXM-400S/3300 320A	3,786,200
	3P	350A	50kA	NXM-400S/3300 350A	3,786,200
	3P	400A	50kA	NXM-400S/3300 400A	3,786,200
	3P	500A	50kA	NXM-630S/3300 500A	5,259,100
	3P	630A	50kA	NXM-630S/3300 630A	5,259,100
	3P	800A	50kA	NXM-800S/3300 800A	8,875,900
	3P	1000A	50kA	NXM-1000S/3300 1000A	14,258,200
	3P	1250A	50kA	NXM-1600S/3300T 1250A	27,384,500
	3P	1600A	50kA	NXM-1600S/3300T 1600A	27,931,200

Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	4P	25A	25kA	NXM-125S/4300B 25A	1,178,100
	4P	32A	25kA	NXM-125S/4300B 32A	1,178,100
	4P	40A	25kA	NXM-125S/4300B 40A	1,178,100
	4P	50A	25kA	NXM-125S/4300B 50A	1,178,100
	4P	63A	25kA	NXM-125S/4300B 63A	1,178,100
	4P	80A	25kA	NXM-125S/4300B 80A	1,178,100
	4P	100A	25kA	NXM-125S/4300B 100A	1,178,100
	4P	125A	25kA	NXM-125S/4300B 125A	1,178,100
	4P	160A	36kA	NXM-250S/4300B 160A	1,647,800
	4P	180A	36kA	NXM-250S/4300B 180A	1,647,800
	4P	200A	36kA	NXM-250S/4300B 200A	1,647,800
	4P	225A	36kA	NXM-250S/4300B 225A	1,647,800
	4P	250A	36kA	NXM-250S/4300B 250A	1,646,700
	4P	315A	50kA	NXM-400S/4300B 315A	4,372,500
	4P	320A	50kA	NXM-400S/4300B 320A	4,372,500
	4P	350A	50kA	NXM-400S/4300B 350A	4,372,500
	4P	400A	50kA	NXM-400S/4300B 400A	4,372,500
	4P	500A	50kA	NXM-630S/4300B 500A	7,093,900
	4P	630A	50kA	NXM-630S/4300B 630A	7,093,900
	4P	800A	50kA	NXM-800S/4300B 800A	11,077,000
	4P	1000A	50kA	NXM-1000S/4300B 1000A	20,117,900
	4P	1250A	50kA	NXM-1600S/4300TB 1250A	42,924,200
	4P	1600A	50kA	NXM-1600S/4300TB 1600A	42,924,200

NXM Series Tiếp điểm phụ

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AX-M1 R	138,600
	160A	/	Trái	AX-M2 L	138,600
	160A	/	Phải	AX-M2 R	138,600
	250A	/	Trái	AX-M3 L	138,600
	250A	/	Phải	AX-M3 R	138,600
	400/630A	/	Trái	AX-M4 L	277,200
	800A	/	Trái	AX-M5 L	277,200
	800A	/	Phải	AX-M5 R	277,200

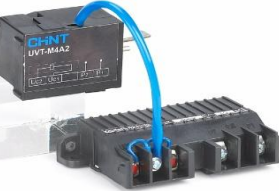
NXM Series Tiếp điểm báo sự cố

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AL-M1 R	135,300
	160A	/	Trái	AL-M2 L	138,600
	160A	/	Phải	AL-M2 R	138,600
	250A	/	Trái	AL-M3 L	135,300
	400/630A	/	Trái	AL-M4 L	281,600
	800A	/	Trái	AL-M5 L	281,600
	800A	/	Phải	AL-M5 R	281,600

NXM Series Cuộn ngắt

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	SHT-M1 A1 L	308,000
	63/125A	AC220-240V	Phải	SHT-M1 A1 R	308,000
	160A	AC220-240V	Trái	SHT-M2 A1 L	308,000
	160A	AC220-240V	Phải	SHT-M2 A1 R	308,000
	250A	AC220-240V	Trái	SHT-M3 A1 L	308,000
	250A	AC220-240V	Phải	SHT-M3 A1 R	308,000
	400/630A	AC220-240V	Phải	SHT-M4 A1 R	700,700
	800A	AC220-240V	Phải	SHT-M5 A1 R	768,900
	1000A	AC220-240V	Phải	SHT-M6 A1 R	854,700
	1600A	AC220-240V	Trái	SHT-M7 A1 L	1,503,700

NXM Series Cuộn bảo vệ thấp áp

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	UVT-M1 A1 L	644,600
	160A	AC220-240V	Trái	UVT-M2 A1 L	644,600
	250A	AC220-240V	Phải	UVT-M3 A1 R	628,100
	400/630A	AC220-240V	Phải	UVT-M4 A1 R	1,503,700
	800A	AC220-240V	Trái	UVT-M5 A1 L	1,623,600
	1000A	AC220-240V	Trái	UVT-M6 A1 L	1,623,600
	1600A	AC220-240V	Trái	UVT-M7 A1 L	3,382,500

NXM Series Mô tơ ON/OFF tự động

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC/DC 220V	Surface	MD-M1 D3/A1	4,107,400
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 H	4,107,400
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 S	4,107,400
	250A	AC/DC 220V	Surface	MD-M3 D3/A1	4,107,400
	400/630A	AC/DC 220V	Surface	MD-M4 D3/A1	7,054,300
	800A	AC/DC 220V	Surface	MD-M5 D3/A1	7,876,000
	1000A	AC/DC 220V	Surface	MD-M6 D3/A1	9,003,500
	1600A	AC/DC 220V	Surface	MD-M7 D3/A1	9,695,400

NXM Series Tay xoay mở rộng

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Surface	ERH-M1	529,100
	160A	/	Surface	ERH-M2	529,100
	250A	/	Surface	ERH-M3	580,800
	400/630A	/	Surface	ERH-M4	794,200
	800A	/	Surface	ERH-M5	951,500
	1000A	/	Surface	ERH-M6	1,030,700
	1600A	/	Surface	ERH-M7	1,269,400

NZ7 Series Bộ chuyển mạch tự động tích hợp điều khiển

- * Dòng điện định mức: 10A - 630A;
- * Điện áp định mức: 400V/50Hz;
- * Số cực: 3 cực, 4 cực;
- * Bộ điều khiển: A (Loại tiêu chuẩn);
- * Nhóm sử dụng: AC-33B;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-6-1;
- * Chứng nhận: KEMA;



	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	10A	15kA	NZ7-63S/3 10A	6,692,400
	3P	16A	15kA	NZ7-63S/3 16A	6,692,400
	3P	20A	15kA	NZ7-63S/3 20A	6,692,400
	3P	25A	15kA	NZ7-63S/3 25A	6,692,400
	3P	32A	15kA	NZ7-63S/3 32A	6,692,400
	3P	40A	15kA	NZ7-63S/3 40A	6,692,400
	3P	50A	15kA	NZ7-63S/3 50A	6,692,400
	3P	63A	25kA	NZ7-125S/3 63A	7,311,700
	3P	80A	25kA	NZ7-125S/3 80A	7,311,700
	3P	100A	25kA	NZ7-125S/3 100A	7,311,700
	3P	125A	25kA	NZ7-250S/3 125A	8,627,300
	3P	160A	25kA	NZ7-250S/3 160A	8,627,300
	3P	180A	25kA	NZ7-250S/3 180A	8,627,300
	3P	200A	25kA	NZ7-250S/3 200A	8,627,300
	3P	225A	25kA	NZ7-250S/3 225A	8,627,300
	3P	250A	35kA	NZ7-400S/3 250A	16,380,100
	3P	315A	35kA	NZ7-400S/3 315A	16,380,100
	3P	350A	35kA	NZ7-400S/3 350A	16,380,100
	3P	400A	35kA	NZ7-400S/3 400A	16,380,100
	3P	500A	35kA	NZ7-630S/3 500A	20,148,700
	3P	630A	35kA	NZ7-630S/3 630A	20,148,700

	4P	20A	35kA	NZ7-63H/4 20A	7,224,800
	4P	25A	35kA	NZ7-63H/4 25A	7,224,800
	4P	32A	35kA	NZ7-63H/4 32A	7,224,800
	4P	40A	35kA	NZ7-63H/4 40A	7,224,800
	4P	50A	35kA	NZ7-63H/4 50A	7,224,800
	4P	63A	35kA	NZ7-63H/4 63A	7,224,800
	4P	80A	50kA	NZ7-125H/4 80A	8,076,200
	4P	100A	50kA	NZ7-125H/4 100A	8,076,200
	4P	125A	50kA	NZ7-250H/4 125A	9,874,700
	4P	160A	50kA	NZ7-250H/4 160A	9,874,700
	4P	180A	50kA	NZ7-250H/4 180A	9,874,700
	4P	200A	50kA	NZ7-250H/4 200A	9,874,700
	4P	225A	50kA	NZ7-250H/4 225A	9,874,700
	4P	250A	50kA	NZ7-400H/4 250A	18,977,200
	4P	315A	50kA	NZ7-400H/4 315A	18,977,200
	4P	400A	50kA	NZ7-400H/4 400A	18,977,200

RT28 Ruột chì trụ tròn

- * Dòng điện định mức: 2A - 63A;
- * Điện áp hoạt động: 500V;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60269-2;

Hình ảnh	In	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2A	RT28-32 2A gG/gL	6,380
	4A	RT28-32 4A gG/gL	6,380
	6A	RT28-32 6A gG/gL	6,380
	10A	RT28-32 10A gG/gL	6,380
	16A	RT28-32 16A gG/gL	6,380
	20A	RT28-32 20A gG/gL	6,380
	25A	RT28-32 25A gG/gL	6,380
	32A	RT28-32 32A gG/gL	6,380

RT28 Đế cầu chì

Hình ảnh	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	Base RT28N-32X 1P	38,500
	2P	Base RT28N-32X 2P	78,100
	3P	Base RT28N-32X 3P	116,600

DDSU666 Đồng hồ KWH một pha gắn trên thanh DIN

- * Điện áp định mức (Un): 120V, 220V, 230V, 240V;
- * Điện áp hoạt động: 0.75Un ~ 1.2Un;
- * Công suất tiêu thụ: <1W, 5VA;
- * Cấp chính xác: Class 1.0 for active;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC62052-11, IEC62053-21;
- * Cổng giao tiếp: RS-485, Protocol, Modbus and DL/T;



	Hệ thống	Điện áp	Dòng Điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P2W	230V	5(80)A	DDSU666 230V 5(80)A	1,468,500

DTSU666 Đồng hồ KWH ba pha gắn trên thanh DIN

- * Điện áp định mức (Un): 3x220/380V, 3x57.7/100V;
- * Điện áp hoạt động: 0.7Un ~ 1.2Un;
- * Công suất tiêu thụ: <1W, 5VA;
- * Cấp chính xác: Class 1.0 for active;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC62052-11, IEC62053-21;
- * Cổng giao tiếp: RS-485, Protocol, Modbus and DL/T;



	Hệ thống	Điện áp	Dòng Điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P4W	230/400V	5(80)A	DTSU666 3x230/400V 5(80)A	2,711,500

PA/PZ666/PD777 Đồng hồ kỹ thuật số Ampe/Vôn và đa chức năng

Hình ảnh	Hệ thống	A	V	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P2W	•		PA666-2 100/5A	825,000
	1P2W		•	PZ666-2 500V	825,000
	3P4W	•	•	PD666-3S3 380V 5A	2,140,600
	3P4W	•	•	PD666-3S4 380V 5A	1,984,400
	3P4W	•		PA666-3S 1A	2,057,000

	3P4W	•	•	PD777-3S3 220V 5A	2,402,400
	3P4W	•	•	PD777-3S3 380V 5A	2,402,400
	3P4W	•	•	PD777-3S4 380V 5A	2,193,400
	3P4W	•	•	PD777-8S3 220V 5A	2,663,100
	3P4W	•	•	PD777-8S4 220V 5A	2,402,400
	3P4W	•	•	PD777-3H AC380/220V 1A	5,743,100
	3P4W	•	•	PD777-8H 380V 5A	9,711,900

NXC Series Khởi động từ AC3, 6A-630A

Hình ảnh	Ampe	Số cực	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	6A	3P	1NO+1NC	NXC-06 220V 50/60Hz	162,800
	9A	3P	1NO+1NC	NXC-09 220V 50/60Hz	162,800
	12A	3P	1NO+1NC	NXC-12 220V 50/60Hz	169,400
	16A	3P	1NO+1NC	NXC-16 220V 50/60Hz	169,400
	18A	3P	1NO+1NC	NXC-18 220V 50/60Hz	183,700
	22A	3P	1NO+1NC	NXC-22 220V 50/60Hz	196,900
	25A	3P	1NO+1NC	NXC-25 220V 50/60Hz	260,700
	32A	3P	1NO+1NC	NXC-32 220V 50/60Hz	352,000
	38A	3P	1NO+1NC	NXC-38 220V 50/60Hz	374,000
	40A	3P	1NO+1NC	NXC-40 220V 50/60Hz	570,900
	50A	3P	1NO+1NC	NXC-50 220V 50/60Hz	565,400
	65A	3P	1NO+1NC	NXC-65 220V 50/60Hz	677,600
	75A	3P	1NO+1NC	NXC-75 220V 50/60Hz	1,007,600
	85A	3P	1NO+1NC	NXC-85 220V 50/60Hz	1,036,200
	100A	3P	1NO+1NC	NXC-100 220V 50/60Hz	1,102,200
	120A	3P	2NO+2NC	NXC-120 220V 50/60Hz	2,662,000
	160A	3P	2NO+2NC	NXC-160 220V 50/60Hz	2,662,000
	185A	3P	2NO+2NC	NXC-185 220V 50/60Hz	3,007,400
	225A	3P	2NO+2NC	NXC-225 220V 50/60Hz	3,084,400
	265A	3P	2NO+2NC	NXC-265 AC/DC 220V-240V	4,547,400
	330A	3P	2NO+2NC	NXC-330 AC/DC 220V-240V	6,706,700
	400A	3P	2NO+2NC	NXC-400 AC/DC 220V-240V	6,846,400
	500A	3P	2NO+2NC	NXC-500 AC/DC 220V-240V	9,819,700
	630A	3P	2NO+2NC	NXC-630 AC/DC 220V-240V	14,664,100

NXC Series Tiếp điểm phụ lắp phía trên mặt khởi động từ

Hình ảnh	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1NO+1NC	AX-3X/11	39,600
	2NO	AX-3X/20	40,700
	2NC	AX-3X/02	40,700
	2NO+2NC	AX-3X/22	70,400
	1NO+3NC	AX-3X/13	70,400
	3NO+1NC	AX-3X/31	70,400
	4NO	AX-3X/40	70,400
	4NC	AX-3X/04	70,400

NXC Series Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh khởi động từ

	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	06-225A	1NO+1NC	AX-3C/11	74,800
	265-630A	1NO+1NC	AX-3C/11B	74,800

NXC Series Khóa liên động cơ khí

	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	09-38A	/	MI-5	37,400
	75-100A	/	MI-7	60,500
	265-630A	/	NCL8-C	30,800

NXR Rò le nhiệt 0.1-630A (dùng cho khởi động từ NXC)

- * Dây điều chỉnh: 0.1-630A;
- * Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

	In	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
NXR-25 (dùng cho NXC-06~NXC-25) 	0.1-0.16A	1NO+1NC	NXR-25 0.1-0.16A	220,000
	0.16-0.25A	1NO+1NC	NXR-25 0.16-0.25A	220,000
	0.25-0.4A	1NO+1NC	NXR-25 0.25-0.4A	220,000
	0.4-0.63A	1NO+1NC	NXR-25 0.4-0.63A	220,000
	0.63-1A	1NO+1NC	NXR-25 0.63-1A	220,000
	1-1.6A	1NO+1NC	NXR-25 1-1.6A	220,000
	1.25-2A	1NO+1NC	NXR-25 1.25-2A	220,000
	1.6-2.5A	1NO+1NC	NXR-25 1.6-2.5A	220,000
	2.5-4A	1NO+1NC	NXR-25 2.5-4A	220,000
	4-6A	1NO+1NC	NXR-25 4-6A	220,000
	5.5-8A	1NO+1NC	NXR-25 5.5-8A	220,000
	7-10A	1NO+1NC	NXR-25 7-10A	220,000
	9-13A	1NO+1NC	NXR-25 9-13A	220,000
	12-18A	1NO+1NC	NXR-25 12-18A	220,000
	17-25A	1NO+1NC	NXR-25 17-25A	220,000
NXR-38 (dùng cho NXC-32~NXC-38)	23A-32A	1NO+1NC	NXR-38 23A-32A	273,900
	30A-38A	1NO+1NC	NXR-38 30A-38A	273,900
NXR-100 (dùng cho NXC-40~NXC-100) 	23A-32A	1NO+1NC	NXR-100 23A-32A	436,700
	30A-40A	1NO+1NC	NXR-100 30A-40A	436,700
	37A-50A	1NO+1NC	NXR-100 37A-50A	436,700
	48A-65A	1NO+1NC	NXR-100 48A-65A	436,700
	55A-70A	1NO+1NC	NXR-100 55A-70A	436,700
	63A-80A	1NO+1NC	NXR-100 63A-80A	482,900
	80A-93A	1NO+1NC	NXR-100 80A-93A	482,900
	80A-100A	1NO+1NC	NXR-100 80A-100A	508,200
NXR-200 (dùng cho NXC-120~NXC-225)	80A-160A	1NO+1NC	NXR-200 80A-160A	2,566,300
	100A-200A	1NO+1NC	NXR-200 100A-200A	2,566,300
NXR-630 (dùng cho NXC-225~NXC-630)	125A-250A	1NO+1NC	NXR-630 125A-250A	3,988,600
	200A-400A	1NO+1NC	NXR-630 200A-400A	3,988,600
	315A-630A	1NO+1NC	NXR-630 315A-630A	4,486,900

NS2 Bộ khởi động động cơ bằng tay

- * Dây điều chỉnh: 0.1-630A;
- * Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

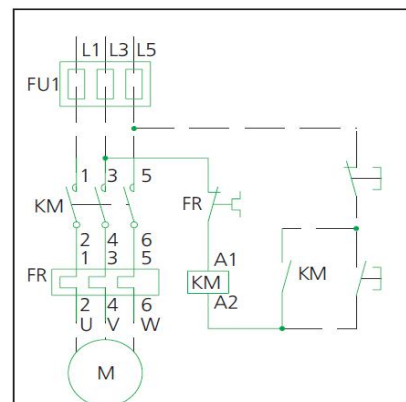
Hình ảnh	Dãy chỉnh	Công suất	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16A-25A	11	NS2-80B 16A-25A	1,243,000
	25A-40A	18.5	NS2-80B 25A-40A	1,243,000
	40A-63A	30	NS2-80B 40A-63A	1,243,000
	56A-80A	40	NS2-80B 56A-80A	1,243,000
	0.1-0.16A	0.06	NS2-25X 0.1-0.16A	495,000
	0.16-0.25A	0.09	NS2-25X 0.16-0.25A	495,000
	0.25-0.4A	0.12	NS2-25X 0.25-0.4A	495,000
	0.4-0.63A	0.18	NS2-25X 0.4-0.63A	495,000
	0.63-1A	0.25	NS2-25X 0.63-1A	495,000
	1-1.6A	0.37	NS2-25X 1-1.6A	495,000
	1.6-2.5A	0.75	NS2-25X 1.6-2.5A	495,000
	2.5-4A	1.5	NS2-25X 2.5-4A	495,000
	4-6.3A	2.2	NS2-25X 4-6.3A	495,000
	6-10A	4	NS2-25X 6-10A	495,000
	9-14A	5.5	NS2-25X 9-14A	495,000
	13-18A	7.5	NS2-25X 13-18A	495,000
	17-23A	11	NS2-25X 17-23A	495,000
	20-25A	11	NS2-25X 20-25A	495,000

NQ3 Bộ khởi động động cơ trực tiếp

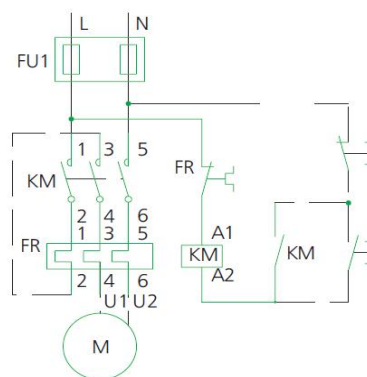
- * Dòng điện định mức: 0.1A~25A;
- * Điện áp hoạt động: 220V, 380V, 660V;
- * Điện áp điều khiển: 24V, 36V, 48V, 110V, 127V, 220V, 380V, 415V;
- * Cấp bảo vệ chống nước: IP55;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-4-1;
- * Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;



	Dãy chỉnh	Công suất tối đa	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
380V	1-1.6A	-	NQ3-5.5P 380V 1-1.6A	757,900
	1.6-2.5A	-	NQ3-5.5P 380V 1.6-2.5A	757,900
	2.5-4A	-	NQ3-5.5P 380V 2.5-4A	757,900
	4-6A	5.5kW	NQ3-5.5P 380V 4-6A	757,900
	5.5-8A	5.5kW	NQ3-5.5P 380V 5.5-8A	757,900
	7-10A	5.5kW	NQ3-5.5P 380V 7-10A	757,900
	9-13A	5.5kW	NQ3-5.5P 380V 9-13A	757,900
	12-18A	11kW	NQ3-11P 380V 12-18A	1,040,600
	17-25A	11kW	NQ3-11P 380V 17-25A	1,040,600
220V	1-1.6A	-	NQ3-5.5P 220V 1-1.6A	757,900
	1.6-2.5A	-	NQ3-5.5P 220V 1.6-2.5A	757,900
	2.5-4A	-	NQ3-5.5P 220V 2.5-4A	757,900
	4-6A	5.5kW	NQ3-5.5P 220V 4-6A	757,900
	5.5-8A	5.5kW	NQ3-5.5P 220V 5.5-8A	757,900
	7-10A	5.5kW	NQ3-5.5P 220V 7-10A	757,900
	9-13A	5.5kW	NQ3-5.5P 220V 9-13A	757,900
	12-18A	11kW	NQ3-11P 220V 12-18A	1,028,500
	17-25A	11kW	NQ3-11P 220V 17-25A	1,028,500



Control supply voltage is as the same as the main circuit voltage (three-phase)



Control supply voltage is as the same as the main circuit voltage (single-phase)

NQ3 Bộ khởi động động cơ trực tiếp

- * Dòng điện định mức: 15-640A;
- * Điện áp hoạt động: 3 Pha 380V(±15%);
- * Dòng khởi động: 0.5 đến 5 lần dòng khởi động giới hạn;
- * Ramp-down time: 0-60 sec;
- * Giá trị điện áp cơ bản cho khởi động mềm: 30% Ue ~ 70%Ue;
- * Thời gian kích khởi động: 0.1 sec;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-4-2;
- * Chứng nhận: CCC, CE;



	kW	Nguồn cấp	Ngõ ra (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
By Pass Type	7.5	3 Phase (380V)	15	NJR2-7.5D	9,836,200
	11	3 Phase (380V)	22	NJR2-11D	9,829,600
	15	3 Phase (380V)	29	NJR2-15D	9,836,200
	18.5	3 Phase (380V)	36	NJR2-18.5D	10,199,200
	22	3 Phase (380V)	42	NJR2-22D	10,188,200
	30	3 Phase (380V)	57	NJR2-30D	11,045,100
	37	3 Phase (380V)	70	NJR2-37D	13,439,800
	45	3 Phase (380V)	84	NJR2-45D	13,752,200
	55	3 Phase (380V)	103	NJR2-55D	15,291,100
	75	3 Phase (380V)	140	NJR2-75D	21,499,500
	90	3 Phase (380V)	167	NJR2-90D	23,378,300
	110	3 Phase (380V)	207	NJR2-110D	25,159,200
	132	3 Phase (380V)	248	NJR2-132D	26,513,300
	160	3 Phase (380V)	300	NJR2-160D	24,369,400
	185	3 Phase (380V)	349	NJR2-185D	27,597,900
	220	3 Phase (380V)	404	NJR2-220D	30,088,300
	250	3 Phase (380V)	459	NJR2-250D	30,088,300
	280	3 Phase (380V)	514	NJR2-280D	32,589,700
	315	3 Phase (380V)	579	NJR2-315D	33,748,000
	355	3 Phase (380V)	634	NJR2-355D	64,431,400
Online Type	400	3 Phase (380V)	720	NJR2-400D	64,431,400
	450	3 Phase (380V)	810	NJR2-450D	73,299,600
	500	3 Phase (380V)	900	NJR2-500D	73,299,600
	7.5	3 Phase (380V)	15	NJR2-7.5ZX	12,609,300
	11	3 Phase (380V)	22	NJR2-11ZX	12,609,300
	15	3 Phase (380V)	29	NJR2-15ZX	12,609,300
	18.5	3 Phase (380V)	36	NJR2-18.5ZX	13,440,900
	22	3 Phase (380V)	42	NJR2-22ZX	13,440,900
	30	3 Phase (380V)	57	NJR2-30ZX	15,657,400
	37	3 Phase (380V)	70	NJR2-37ZX	15,657,400
	45	3 Phase (380V)	84	NJR2-45ZX	23,555,400
	55	3 Phase (380V)	103	NJR2-55ZX	23,555,400
	75	3 Phase (380V)	140	NJR2-75ZX	23,555,400

NP2-EA Nút nhấn nhả

* Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V;

* Cấp bảo vệ chống bụi: IP40;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1;

* Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;

Hình ảnh	Phân loại	Thông số	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Nút nhấn không đèn	Trắng	1	-	NP2-EA11	25,300
		Đen	1	-	NP2-EA21	25,300
		Xanh lá	1	-	NP2-EA31	25,300
		Vàng	1	-	NP2-EA51	25,300
		Xanh dương	1	-	NP2-EA61	25,300
		Đỏ	-	1	NP2-EA42	25,300
	Công tắc xoay	2VT cần ngắn	1	-	NP2-ED21	27,500
		3VT cần ngắn	2	-	NP2-ED33	40,700
		2VT cần dài	1	-	NP2-EJ21	27,500
		3VT cần dài	2	-	NP2-EJ33	40,700
		2VT tự trả	1	-	NP2-ED41	27,500
		3VT tự trả	2	-	NP2-ED53	40,700
	Công tắc xoay có chìa khóa	2VT tự giữ	1	-	NP2-EG21	52,800
		2VT tự trả	1	-	NP2-EG41	52,800
		3VT tự giữ	2	-	NP2-EG33	63,800
		3VT tự trả	2	-	NP2-EG53	64,900
	Nút nhấn kép	Xanh-đỏ	1	1	NP2-EL8325	44,000
	Nút nhấn có đèn 220V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 230V LED	62,700
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 230V LED	62,700
		Xanh dương	1	-	NP2-EW3661 230V LED	62,700
		Trắng	1	-	NP2-EW3162 230V LED	62,700
		Đỏ	-	1	NP2-EW3462 230V LED	62,700
	Nút nhấn có đèn 24V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 24V LED	63,800
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 24V LED	63,800
		Xanh dương	1	-	NP2-EW3661 24V LED	63,800
		Trắng	1	-	NP2-EW3162 24V LED	63,800
		Đỏ	-	1	NP2-EW3462 24V LED	63,800
	Nút dừng khẩn		-	1	NP2-ES542	37,400
	Nút nhấn dù	Trắng	1	-	NP2-EC11	34,100
		Đen	1	-	NP2-EC21	34,100
		Xanh lá	1	-	NP2-EC31	34,100
		Vàng	1	-	NP2-EC51	34,100
		Xanh dương	1	-	NP2-EC61	34,100
		Đỏ	-	1	NP2-EC42	34,100
	Hộp nút nhấn	1 lỗ			NP2-B01	44,000
		2 lỗ			NP2-B02	56,100
		3 lỗ			NP2-B03	69,300
	Tiếp điểm phụ	NO	1	-	NP2-BE101	14,300
		NC	-	1	NP2-BE102	14,300

ND16 Đèn báo					
* Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V; * Cấp bảo vệ chống bụi: IP40; * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1; * Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;					
Hình ảnh	Phân loại	Thông số	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đèn báo	Trắng	220VAC/DC	ND16-22C/2 220V WHT	33,000
		Xanh dương		ND16-22C/2 220V BLU	33,000
		Đỏ		ND16-22C/2 220V RED	33,000
		Vàng		ND16-22C/2 220V YEL	33,000
		Xanh Lá		ND16-22C/2 220V GRN	33,000
		Trắng	24VAC/DC	ND16-22CS/2 24V WHT	33,000
		Xanh dương		ND16-22CS/2 24V BLU	33,000
		Đỏ		ND16-22CS/2 24V RED	33,000
		Vàng		ND16-22CS/2 24V YEL	33,000
		Xanh Lá		ND16-22CS/2 24V GRN	33,000

JZX Series Rờ le kháng					
* Nhiệt độ môi trường: -40 đến 70 độ C; * Số cặp tiếp điểm: 2Z, 4Z; * Khả năng tiếp xúc cao, phù hợp trong điều khiển PLC; * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1; * Chứng nhận: CE;					
Hình ảnh	Phân loại	Dòng điện	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	8 chân dẹp nhỏ	5A	220VAC	JZX-22F(D)/2Z PLU AC220V	59,400
		5A	12VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC12V	59,400
		5A	24VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC24V	59,400
	14 chân dẹp nhỏ	3A	220VAC	JZX-22F(D)/4Z PLU AC220V	68,200
		3A	12VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC12V	68,200
		3A	24VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC24V	68,200
	8 chân dẹp lớn	10A	220VAC	JQX-13F/2Z PLU AC220V	60,500
		10A	12VDC	JQX-13F/2Z PLU DC12V	60,500
		10A	24VDC	JQX-13F/2Z PLU DC24V	60,500
	Đế 8 chân dẹp nhỏ	5A		CZY08B-01	23,100
	Đế 14 chân dẹp nhỏ	3A		CZY14B	30,800
	Đế 8 chân dẹp lớn	10A		CZT08B-01	25,300

NP3 Series Điều khiển cần trục

Thiết bị điều khiển NP3 được sử dụng trong điều khiển mạch từ xa.

- * Công suất định mức lên đến 380V (AC) hoặc 220V (DC);
- * Tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-5-1
- * IP65;
- * Độ bền điện tử: 500 x 103 lần đối với loại đầu chìm & đầu nổi;
- * Nhiệt độ xung quanh: -5 ~ 400C
- * Nút: có kiểu Tức thời

Hình ảnh	Nút	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Lên/Xuống	NP3-1	107,800
	ON/OFF, Lên/Xuống	NP3-1A	161,700
	Nút dừng khẩn, Lên/Xuống	NP3-1K	195,800
	Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2	158,400
	ON/OFF, Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2A	220,000
	Nút dừng khẩn, Lên/Xuống, Trái/Phải	NP3-2K	270,600
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau	NP3-3	216,700
	ON/OFF, Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau	NP3-3A	277,200
	Nút dừng khẩn, Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau	NP3-3K	320,100
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch	NP3-4	270,600
	ON/OFF, Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch	NP3-4A	336,600
	Nút dừng khẩn, Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch	NP3-4K	381,700
	Lên/Xuống, Trái/Phải, Trước/Sau, Thuận/Nghịch, Nhanh/Chậm	NP3-5	333,300

NJYB3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- * NJYB3 rò le chức năng bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Điện áp hoạt động: Hệ thống 3 pha 3 dây: AC380V~AC415V 50Hz;
Hệ thống 3 pha 4 dây: AC220V~AC240V 50Hz;
- * Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Quá áp, thấp áp, mất pha	AC380V	3 pha 3 dây	NJYB3-8 AC380V	381,700
	AC220V	3 pha 4 dây	NJYB3-11 AC220V	381,700

XJ3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- *G: Bảo vệ mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha (cố định);
- *D: Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha (Có thể chỉnh thông số);



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
D	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-D AC380V	486,200
G	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-G AC380V	246,400

Relay báo mực nước

	Tiếp điểm	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Ue:220V Ie: 1.5A	AC220V	JYB-714C AC220V	226,600

JSZ3 Series Timer ON delay

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;

* Chứng nhận: CE;

Ngưỡng thời gian	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
(0.05-0.5)s/5s/30s/3min	A	DC24V	JSZ3A-A DC24V	253,000
	A	AC220V	JSZ3A-A AC220V	253,000
	A	AC380V	JSZ3A-A AC380V	253,000
(0.1-1)s/10s/60s/6min	B	DC24V	JSZ3A-B DC24V	253,000
	B	AC220V	JSZ3A-B AC220V	253,000
	B	AC380V	JSZ3A-B AC380V	253,000
(0.5-5)s/50s/5min/30min	C	DC24V	JSZ3A-C DC24V	253,000
	C	AC220V	JSZ3A-C AC220V	253,000
	C	AC380V	JSZ3A-C AC380V	253,000
(1-10)s/100s/10min/60min	D	DC24V	JSZ3A-D DC24V	253,000
	D	AC220V	JSZ3A-D AC220V	253,000
	D	AC380V	JSZ3A-D AC380V	253,000
(5-60)s/10min/60min/6h	E	DC24V	JSZ3A-E DC24V	253,000
	E	AC220V	JSZ3A-E AC220V	253,000
	E	AC380V	JSZ3A-E AC380V	253,000
(0.25-2)min/2min/2h/12h	F	DC24V	JSZ3A-F DC24V	253,000
	F	AC220V	JSZ3A-F AC220V	253,000
	F	AC380V	JSZ3A-F AC380V	253,000
(0.5-4)min/40min/4h/24h	G	DC24V	JSZ3A-G DC24V	253,000
	G	AC220V	JSZ3A-G AC220V	253,000
	G	AC380V	JSZ3A-G AC380V	253,000

JSZ3 Series Timer Sao - Tam giác

Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	10s	AC220V	JSZ3Y 10s AC220V	261,800
		AC380V	JSZ3Y 10s AC380V	261,800
	30s	AC220V	JSZ3Y 30s AC220V	357,500
		AC380V	JSZ3Y 30s AC380V	261,800
	60s	AC220V	JSZ3Y 60s AC220V	261,800
		AC380V	JSZ3Y 60s AC380V	357,500
	180s	AC220V	JSZ3Y 180s AC220V	261,800
		AC380V	JSZ3Y 180s AC380V	261,800

Đế Timer

	Lắp cho Timer	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	JSS48A-S / JSS48A-ZZ	CZS08C	38,500
	JSZ3A - * / JSZ3Y / JSZ3F	CZS08X-E	31,900

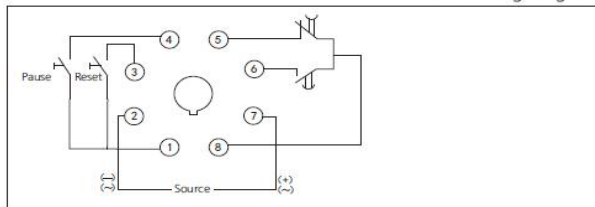
JSZ3 Series Timer OFF delay

Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1s	AC220V	JSZ3F 1s AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 1s AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 1s DC24V	326,700
	5s	AC220V	JSZ3F 5s AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 5s AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 5s DC24V	326,700
	10s	AC220V	JSZ3F 10s AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 10s AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 10s DC24V	326,700
	30s	AC220V	JSZ3F 30s AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 30s AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 30s DC24V	326,700
	60s	AC220V	JSZ3F 60s AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 60s AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 60s DC24V	326,700
	2min	AC220V	JSZ3F 2min AC220V	326,700
		DC24V	JSZ3F 2min DC24V	326,700
	3min	AC220V	JSZ3F 3min AC220V	326,700
		AC380V	JSZ3F 3min AC380V	326,700
		DC24V	JSZ3F 3min DC24V	326,700

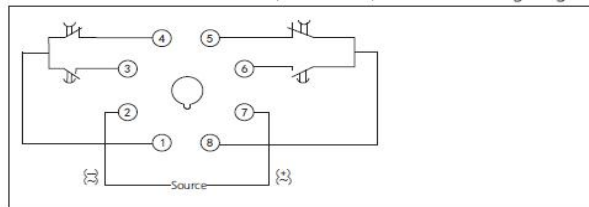
JSS48A Series

Hình ảnh	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC/DC24V-48V	JSS48A AC/DC24V-48V	624,800
	AC/DC100V-240V	JSS48A AC/DC100V-240V	624,800
	AC380V	JSS48A AC380V	624,800
	AC/DC24V-48V	JSS48A-11 AC/DC24V-48V	624,800
	AC380V	JSS48A-11 AC380V	624,800
	AC/DC24V-48V	JSS48A-2Z AC/DC24V-48V	624,800
	AC/DC100V-240V	JSS48A-2Z AC/DC100V-240V	624,800
	AC380V	JSS48A-2Z AC380V	624,800
	AC220V	JSS48A-S AC220V	554,400
	AC380V	JSS48A-S AC380V	685,300
	DC24V	JSS48A-S DC24V	685,300

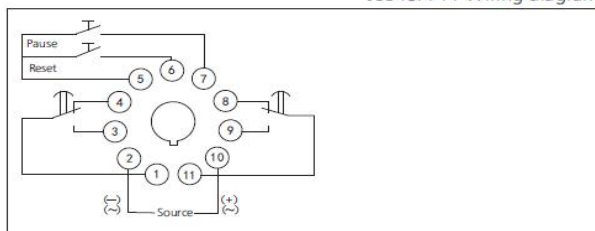
JSS48A Wiring diagram



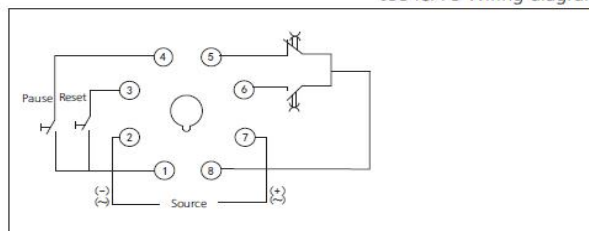
JSS48A-2Z, JSS48A-G, JSS48A-P Wiring diagram



JSS48A-11 Wiring diagram



JSS48A-S Wiring diagram



NKG3 Series Công tắc thời gian 24h & 24h/7

* Điện áp ngõ vào: AC220V 50Hz;

* Chứng nhận: CE;

* Loại tiếp điểm: relay;

	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	24h	AC220V	NKG3-M 16-ON 16-OFF AC230V	584,100
	24h/7	AC220V	NKG3 16-ON 16-OFF AC230V	569,800

KG316T Series Công tắc thời gian 24/7

* Điện áp ngõ vào: AC220V 50Hz;

* Loại tiếp điểm: có điện áp AC220V;

	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	24h/7	AC220V	KG316T 3A 16-ON 16-OFF AC220V	345,400

NDK Series Biến áp cách ly

- * Công suất: 25-5000VA;
- * Điện áp đầu vào: 415/380/220VAC - 50/60Hz;
- * Điện áp ngõ ra: 12; 24; 48; 110; 220VAC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61558;

Hình ảnh	Công suất	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	25VA	NDK-25VA IEC	333,300
	50VA	NDK-50VA IEC	437,800
	100VA	NDK-100VA IEC	591,800
	150VA	NDK-150VA IEC	853,600
	200VA	NDK-200VA IEC	1,036,200
	250VA	NDK-250VA IEC	1,182,500
	300VA	NDK-300VA IEC	1,393,700
	400VA	NDK-400VA IEC	1,877,700
	500VA	NDK-500VA IEC	1,745,700
	700VA	NDK-700VA IEC	2,563,000
	1000VA	NDK-1000VA IEC	3,052,500
	1500VA	NDK-1500VA IEC	6,308,500
	2000VA	NDK-2000VA IEC	6,991,600
	3000VA	NDK-3000VA IEC	7,605,400
	4000VA	NDK-4000VA IEC	9,958,300
	5000VA	NDK-5000VA IEC	11,425,700

YBLX Series Công tắc hành trình

Hình ảnh	Kiểu tác động	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Dạng cần gạt con lăn	YBLX-ME/8104	152,900
	Dạng cần gạt nhỏ có thể điều chỉnh được	YBLX-ME/8107	156,200
	Dạng cần gạt con lăn điều chỉnh được	YBLX-ME/8108	159,500
	Dạng pitong đầu bi	YBLX-ME/8111	121,000
	Dạng pitong con lăn dọc	YBLX-ME/8112	130,900
	Dạng cần lò xo	YBLX-ME/8169	123,200
	Dạng cần con lăn	YBLX-WL/CA2	212,300
	Dạng cần gạt con lăn điều chỉnh được	YBLX-WL/CA12	217,800
	Dạng pitong con lăn	YBLX-WL/D2 90°	220,000
	Dạng cần gạt lò xo	YBLX-WL/NJ	210,100
	Dạng cần dài có thể chỉnh được	YBLX-WL/CL	213,400
	Dạng nút nhấn bi nhỏ	YBLXW-5/11Z	45,100
	Dạng gắn tủ điện	YBLXW-5/11M	69,300
	Dạng con lăn dọc	YBLXW-5/11Q1	84,700
	Dạng con lăn ngang	YBLXW-5/11Q2	84,700
	Dạng đòn bẩy siêu dài	YBLXW-5/11N1	48,400
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11N2	47,300
	Dạng con lăn đòn bẩy dài	YBLXW-5/11G1	50,600
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11G2	50,600
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-5/11G3	50,600
	Dạng pitong	YBLXW-6/11BZ	125,400
	Dạng pitong	YBLXW-6/11CA	118,800
	Dạng đòn bẩy dài	YBLXW-6/11CG	121,000
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DG	93,500
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-6/11CL	99,000
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DL	96,800
	Dạng pitong con lăn nằm ngang	YBLXW-6/11HL	130,900
	Dạng pitong con lăn nằm dọc	YBLXW-6/11ZL	130,900
	Dạng cần lò xo đầu nhựa	YBLXW-6/11W2	115,500